

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/CPTPV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy**
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603 Hotline: 1900232353
Fax: (84.28) 3899 7848
E-mail: contact@phuongvycoffee.com
Mã số doanh nghiệp: 0310553942

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 5592/2022/BQLATTP-HCM

Ngày Cấp: 02/11/2022

Nơi cấp: Ban quản lý an toàn thực phẩm thành phố Hồ Chí Minh.

II. Thông tin về sản phẩm.

1. Tên sản phẩm: CÀ PHÊ MỘC 3

2. Thành phần: Cà phê (95%), dầu bơ thay thế (từ thực vật)*, muối.

(*) Sản phẩm có chứa đậu nành, sữa.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Ngày sản xuất (NSX): 12 tháng trước hạn sử dụng (HSD)

Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Khối lượng tịnh: 500 g, 1 kg, 5 kg hoặc theo yêu cầu khách hàng và được ghi rõ trên nhãn hàng hóa.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong bao bì màng ghép phức hợp có lớp tiếp xúc với thực phẩm là nhựa PE hoặc bao bì PE có hoặc không có lớp bao giấy bên ngoài.

Các bao bì tiếp xúc với sản phẩm đạt yêu cầu vật liệu bao bì chứa đựng thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Chi nhánh Công ty TNHH Cà phê Trà Phương Vy

Số 12, VSIP II-A, đường số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Chi nhánh được chứng nhận Hệ thống an toàn thực phẩm FSSC 22000.

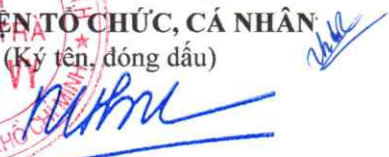
III. Mẫu nhãn sản phẩm: (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Tổ chức kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-1:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 2.4)
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: 8-2:2011/BYT Đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.10, 2.22, 3.28, 4.7)
- Tiêu chuẩn của nhà sản xuất: Theo phụ lục bảng thông tin chi tiết sản phẩm đính kèm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.


Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2025
ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)

Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

PHỤ LỤC
BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	NHÓM SẢN PHẨM: CÀ PHÊ	SỐ TCB: 04/CPTPV/2025
	CÀ PHÊ MỘC 3	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Chỉ tiêu cảm quan.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	YÊU CẦU
1	Màu sắc	Màu nâu đặc trưng của sản phẩm
2	Mùi	Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm cà phê, không có mùi lạ
3	Vị	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ
4	Trạng thái	Dạng hạt

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu.

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Độ ẩm	% khối lượng	≤ 5
2	Hàm lượng Caffeine	% khối lượng	≥ 1

3. Chỉ tiêu giá trị dinh dưỡng (Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Năng lượng (Energy)	kcal/100g	184 - 276
2	Chất đạm (Protein)	g/100g	14.2 - 21.4
3	Carbohydrat	g/100g	9.5 - 14.3
4	Chất béo (Total Fat)	g/100g	9.8 - 14.8
5	Natri (Sodium)	mg/100g	57.6 - 86.4

4. Chỉ tiêu kim loại nặng (Theo QCVN 8-2:2011/BYT).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Hàm lượng Asen (As)	mg/ kg	≤ 1
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/ kg	≤ 1
3	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/ kg	≤ 2
4	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/ kg	≤ 0.05

5. Chỉ tiêu độc tố vi nấm (Theo QCVN 8-1:2011/BYT).

STT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	MỨC CHẤT LƯỢNG
1	Hàm lượng Ochratoxin A	$\mu\text{g/ kg}$	≤ 5

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 06 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Trương Thị Mai Phương

Trưởng phòng nghiên cứu & phát triển

THÔNG TIN GHI NHÃN SẢN PHẨM QUY CÁCH 1KG, 5 KG.

Tên sản phẩm: CÀ PHÊ MỘC 3

Khối lượng tịnh: ... kg

Thành phần: Cà phê (95%), dầu bơ thay thế (từ thực vật)*, muối.

() Sản phẩm có chứa đậu nành, sữa.*

Hướng dẫn sử dụng:

- Sản phẩm dùng cho pha phin
- Hoặc dùng cho sản xuất các loại cà phê khác.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Giữ kín miệng túi sau khi mở.

Thông tin cảnh báo: Không dùng cho người dị ứng với các thành phần của sản phẩm.

Giá trị dinh dưỡng trung bình: Trong 100 g

Năng lượng: 230 kcal; Chất đạm: 17.8 g; Carbohydrate: 11.9 g; Chất béo: 12.3 g; Natri: 72 mg.

Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn

Sản phẩm của: CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất tại Việt Nam

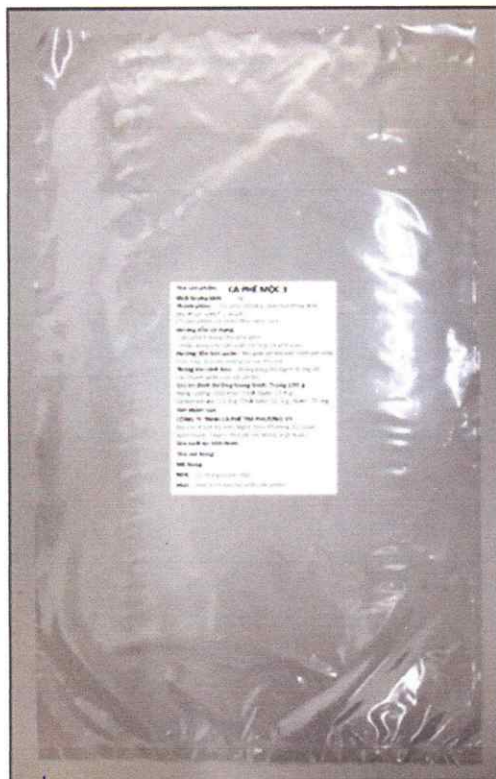
Tên mã hàng:

Mã hàng:

Số lô:

NSX: 12 tháng trước HSD

HSD: Xem trên bao bì/ nhãn sản phẩm



Hình ảnh tem nhãn, bao bì sản phẩm

Handwritten signature



290mm

40mm

10

SAPLASTIC		Túi cà phê Phương Vy 500g										Chữ ký Khách Hàng								
Số Màu																				
07		K	M	Y	C	M	Y	W	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đơn vị (mm)		356 x 290										09 01-11 28/08/2018								
TARGET		HC: KCMY										Mã Hàng: J0SL2441810								
		PET1213-SL-GMG-503																		

Sản phẩm của
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
Địa chỉ: 4/13 Xã Mỹ Thuận, Tỉnh Phước Yên,
Quận Bình Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 3599 2665 - 3599 7176
Fax: (84-28) 3599 7878
Email: info@phuongvycoffee.com
Website: www.phuongvycoffee.com
(P&G) 6110531947

Sản xuất tại: **CHÍNH SẢN CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY**
Địa chỉ: 13 E1, Đường số 7, Khu công nghiệp VPM-B, Xã Vĩnh Sơn, Trại cũ Bình Thuận, Bình Thuận
Vua máy đóng gói hiện tại: 150C 22000

PHUONG VY COFFEE AND TEA COMPANY, LTD
Head Office
413A Kien Thuan Street, Ward 7,
Binh Thuan District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Phone: (84-28) 3599 2665 - 3599 7176
Fax: (84-28) 3599 7878
Email: info@phuongvycoffee.com
Website: www.phuongvycoffee.com
Factory
No. 13, Kien Thuan Street, Vietnam Enterprise
Industrial Park (VEM) B, Tan Uyen Town,
Binh Thuan Province, Vietnam.
150C 22000 certified factory

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BREWING INSTRUCTION

Đối với sản phẩm dạng bột: Coffee powder

1. Cho 2 hoặc 3 muỗng cà phê bột vào phin (20 g), lắc đều và nén nhẹ bột cà phê bằng tay gài.

Pour 2 or 3 heaping teaspoons of coffee into filter (20 g).

2. Cho khoảng 20 ml nước nóng (~92°C) vào phin, để khoảng 2 phút cho cà phê thấm đều và nở.

Pour in 20 ml hot water (~92°C) to cover the coffee, allow to brew for about 2 minutes.

3. Cho khoảng 60 ml nước nóng vào để cà phê chiết xuất.

Adding additional 60 ml hot water.

4. Thêm đường, sữa tùy theo khẩu vị.

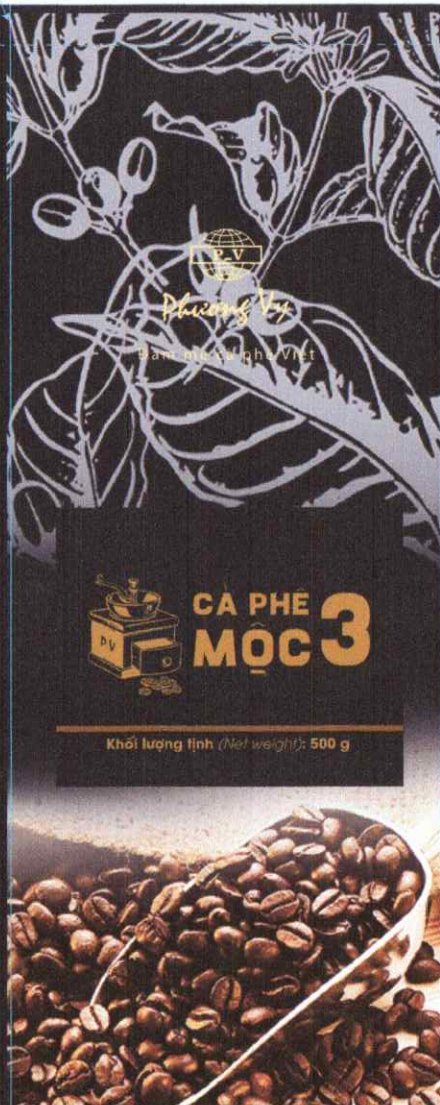
Add sugar and/or milk as to your taste.

Đối với sản phẩm dạng hạt: Coffee beans

Xay cà phê hạt thành bột và tiếp tục các bước tiếp theo tương tự sản phẩm cà phê bột.

Grind coffee beans into powder and continue the next steps similar to coffee powder.

Đơn vị: 1 muỗng cà phê tương đương 5g bột cà phê.



Chúng tôi sử dụng những hạt cà phê chọn lọc từ các vùng cà phê nổi tiếng Việt Nam. Trải qua 3 thế hệ và hơn 50 năm kinh nghiệm chế biến cà phê, sản phẩm sẽ đem đến hương vị đậm đà khó quên.

The Phuong Vy family has over 50 years and 3 generations of experience in coffee. Only the finest mountain grown, carefully selected beans are used to ensure a superior blend.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG:

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

* Bùn quăn nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. -
Seal kín miệng túi sau khi mở.

* Keep the bag tightly closed after opening.
Store in cool dry place, avoid direct sunlight.

Khuyến cáo:

Không dùng cho người mắc bệnh về cà phê.

Khối lượng tịnh (Net weight): 500 g

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

PRODUCT OF VIETNAM

CA PHE MỘC 3

Cà phê Mộc là dòng sản phẩm 100% cà phê nguyên hạt chuyên dùng cho chế biến pha chế. Sản phẩm được chọn lọc kỹ càng từ cà phê ngon nhất.

Thành phần:
Cà phê Robusta (85%), cà phê Arabica (15%)

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%
Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

* Bùn quăn nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp. -
Seal kín miệng túi sau khi mở.

* Keep the bag tightly closed after opening.
Store in cool dry place, avoid direct sunlight.

Khuyến cáo:

Không dùng cho người mắc bệnh về cà phê.

Khối lượng tịnh (Net weight): 500 g

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM

PRODUCT OF VIETNAM

Đặt vị định danh trung bình
trung 100g

Hàm lượng (Net weight)	500g
Chất lượng (Quality)	100%
Thành phần (Composition)	100%
Chức năng (Function)	100%
Thời hạn (Shelf life)	12 months

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Hàm lượng caffeine: 11-2,57%

Hàm lượng chất tan trong nước: 125-40%

Handwritten signature

TEST REPORT BÁO CÁO THỬ NGHIỆM

Report No./ Số báo cáo:

25-143035-2

Revision: 00

Company/ Công ty:

PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY
BRANCH OF PHUONG VY COFFEE TEA COMPANY LIMITED
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH CÀ PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY

Address/ Địa chỉ:

Head Office: 432A Xo Viet Nghe Tinh Street, Ward 25, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
Văn Phòng: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Branch: No.12, VSIP II-A, Street No. 15, Vietnam Singapore Industrial Park II-A, Vinh Tan Ward, Tan Uyen City, Binh Duong Province, Vietnam
Chi Nhánh: Số 12, VSIP II-A, Đường Số 15, Khu Công Nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Thành Phố Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Report Issued: 29-May-2025

MNAQ Reference: 25-143035

Sample(s) Received: 23-May-2025

Ngày phát hành báo cáo

Tham chiếu MNAQ

Ngày nhận mẫu

Testing Period/ Thời gian phân tích: 23-May-2025 to 29-May-2025

Results - Kết quả

The testing results are valid on the sample(s) as received/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nhận được.

Customer Sample Name/ Tên mẫu: Cà phê Mộc 3

Lab ID: 25-143035-2

Sample Description/ Mô tả mẫu: Sample in aluminum bag/ Mẫu đựng trong túi nhôm

Sample Condition/ Tình trạng mẫu: Acceptable/ Chấp nhận

Test Chỉ tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Ochratoxin A	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.5)	µg/kg	FLAB-FA-MTHD-010: 2024 (Ref. AOAC 2004.10)
Tro/ Ash	4.54	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-024:2023 (Ref. AOAC 938.08)
Béo/ Fat	12.3	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-018:2023 (Ref. AOAC 920.39)
Đạm/ Protein (Nx6.25)	17.8	g/100 g	FLAB-FC- MTHD-020:2023 (Ref. AOAC 2001.11)
Ẩm/ Moisture	1.17	g/100 g	FLAB-FC-MTHD-014:2023 (Ref. AOAC 950.46)
Xơ dinh dưỡng/ Dietary Fiber	52.3	g/100 g	AOAC 985.29
Năng lượng/ Calories	230	kcal/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. (AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)

Test Chi tiêu	Result Kết quả	Unit Đơn vị	Method Phương pháp phân tích
Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)/ Carbohydrate	11.9	g/100 g	FLAB-FCMTHD-033:2024 (Ref. (AOAC 986.25 FAO, Food & Nutrition P. 77, US FDA 21 CFR 101.9)
Caffeine	2.33	%	FLAB-FA-MTHD-019:2024 (Ref. ISO 20481:2008)
Chì/ Lead (Pb)	<LOQ=0.01	mg/kg	AOAC 2013.06
Cadimi/ Cadmium (Cd)	<LOQ=0.01	mg/kg	AOAC 2013.06
Asen/ Arsenic (As)	0.010	mg/kg	AOAC 2013.06
Thủy ngân/ Mercury (Hg)	Not Detected/Không phát hiện (LOD=0.003)	mg/kg	AOAC 2013.06
Chất chiết tan trong nước/ Water-soluble extract *	25.3	%	TCVN 12999:2020
Natri/ Sodium (Na)	723	mg/kg	FLAB-FC-MTHD-030: 2023 (Ref. AOAC 2013.06)



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)		
Thành phần dinh dưỡng	Trên 100g	% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	230 kcal	12%
Chất đạm (Protein)	17.8 g	36%
Carbohydrate	11.9 g	4%
Chất béo (Fat)	12.3 g	22%
Natri (Sodium)	72 mg	4%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (nutrient reference values-NRV) là tỉ lệ đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong 100 g hoặc 100 ml thực phẩm		



Remark/ Ghi chú: Nil/ Không

GENERAL DIRECTOR
TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HIỆP

Số: 110.../2025/CV-PV.TGD
V/v: Thay đổi cách ghi “Ngày sản
xuất, hạn sử dụng” của sản phẩm

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 06 năm 2025

KÍNH GỬI: CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH BÌNH DƯƠNG

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Cà Phê Trà Phương Vy
Mã số thuế: 0310553942
Địa chỉ: 432A Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Điện thoại: (84.28) 3899 7156 – (84.28) 3899 0603

Công ty đã thực hiện thủ tục Tự công bố theo quy định hiện hành và đã gửi 01 bản Tự công bố cho
Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Bình Dương.
Sản phẩm có Tự công bố chất lượng như sau:

STT	SỐ TCB	TÊN SẢN PHẨM
1	03/CPTPV/2025	Cà phê rang xay Healthy Coffee
2	04/CPTPV/2025	Cà phê MỘC 3
3	05/CPTPV/2025	Cà phê rang xay Moka Chồn

Nay công ty chúng tôi xin thông báo với Quý Chi Cục về việc thay đổi cách ghi “Ngày sản xuất
(NSX), hạn sử dụng (HSD)” của một số sản phẩm như sau:

Tên sản phẩm	Cách ghi “NSX, HSD” cũ khi chưa thay đổi	Cách ghi “NSX, HSD” mới sau khi thay đổi
Cà phê rang xay Healthy Coffee	NSX: 18 tháng trước HSD HSD: Xem trên bao bì	NSX và HSD in trên bao bì.
Cà phê MỘC 3	NSX: 12 tháng trước HSD HSD: Xem trên bao bì	NSX và HSD in trên bao bì.
Cà phê rang xay Moka Chồn	NSX: 18 tháng trước HSD HSD: Xem trên bao bì	NSX và HSD in trên bao bì.
	Ví dụ: NSX: 18 tháng trước HSD HSD: 16/12/2026	Ví dụ: NSX: 16/06/2025 HSD: 16/12/2026

Thông tin hình ảnh bao bì nhãn sản phẩm được dự thảo và đính kèm công văn này.
Công ty chúng tôi cam kết thực hiện ghi nhãn hàng hóa theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo
chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm như đã công bố.

Trân trọng cảm ơn Quý Chi Cục.





290mm

45mm

TÊN SP: Túi cà phê Phương Vy 500g		CHỖ KÝ KHÁCH HÀNG	
SỐ MÀU 07			
	Quy cách (mm): 356 x 290		
TARGET:		HỒ: KCMY	Mã hàng: J0SL2441810
PET1213-SL-GMG-503		09 B-T-N 28/05/2018	

356mm

62mm

53mm

10mm

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BREWING INSTRUCTION

Đối với sản phẩm dạng bột: Coffee powder

1. Cho 2 hoặc 3 muỗng cà phê bột vào phin (20 g). Bắc đều và nén nhẹ bột cà phê bằng tay gò.

Place 2 or 3 heaping 10gspoons of coffee into filter (20 g).

2. Cho khoảng 20 ml nước nóng (~92°C) vào phin, để khoảng 2 phút cho cà phê thấm đều và nở.

Place in 20 ml hot water (~92°C) to cover the coffee, allow to brew for about 2 minutes.

3. Cho khoảng 60 ml nước nóng vào để cà phê chảy xuống.

Add additional 60 ml hot water.

4. Thêm đường, sữa tùy theo khẩu vị.

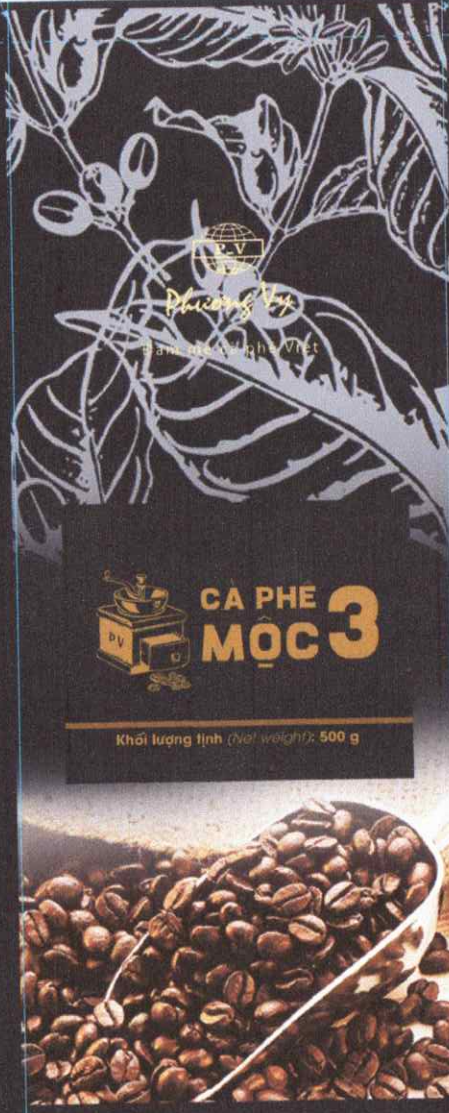
Add sugar and/or milk as to your taste.

Đối với sản phẩm dạng hạt: Coffee beans

Xay cà phê hạt thành bột và tiếp tục các bước tiếp theo tương tự sản phẩm cà phê bột.

Grind coffee beans into powder and continue the next steps similar to coffee powder.

Chụp ảnh minh họa được in bằng mực in màu và có thể thay đổi.



Chúng tôi sử dụng những hạt cà phê chọn lọc từ các vùng cà phê nổi tiếng Việt Nam. Trải qua 3 thế hệ và hơn 50 năm kinh nghiệm chế biến cà phê, sản phẩm sẽ đem đến hương vị đậm đà khó quên.

The Phuong Vy family has over 50 years and 3 generations of experience in coffee. Only the finest mountain grown, carefully selected beans are used to ensure a superior blend.

CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG:

Hàm lượng caffeine: (1-2,5)%

Hàm lượng chất tan trong nước: (25-40)%

* Bảo quản nơi khô mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Giữ kín miệng túi sau khi mở.

* Keep the bag tightly closed after opening.

Store in cool dry place, avoid direct sunlight.

Khuyến cáo:

Không dùng cho người mắc bệnh về cà phê.

Khối lượng tịnh (Net weight): 500 g

SẢN XUẤT TẠI VIỆT NAM
PRODUCT OF VIETNAM

CA PHÊ MỘC 3

Cà phê Mộc 3 được sản xuất 100% cà phê nguyên hạt chuyên dùng cho cách pha phin. Sản phẩm thích hợp cho các quán cà phê và gia đình.

Cà phê Robusta (65%), đậu nành thay thế cho thức uống.

100% Robusta coffee beans.

Chỉ trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Hàm lượng (Energy)	290 kcal
Chất đạm (Protein)	17.8 g
Carbohydrate	11.9 g
Chất béo (Fat)	12.3 g
Sodium (Salt)	72 mg

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

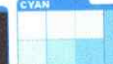
Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g

Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g



28/05